

Bài 54.**ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG**

1. Viết theo mẫu :

49dm^2 : Bốn mươi chín đề-xi-mét vuông.

119dm^2 :

1969dm^2 :

$32\,000\text{dm}^2$:

2. Viết theo mẫu :

Một trăm linh hai đề-xi-mét vuông : 102dm^2 .

Hai nghìn không trăm linh năm đề-xi-mét vuông :

Một nghìn chín trăm năm mươi tư đề-xi-mét vuông :

Chín trăm chín mươi đề-xi-mét vuông :

3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

$4\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ $508\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ $1996\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$1000\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$ $4800\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$ $2100\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

4.

>
<
=

 ? $320\text{cm}^2 \dots 3\text{dm}^2\,20\text{cm}^2$ $955\text{cm}^2 \dots 9\text{dm}^2\,50\text{cm}^2$
 $9\text{dm}^2\,5\text{cm}^2 \dots 905\text{cm}^2$ $2001\text{cm}^2 \dots 20\text{dm}^2\,10\text{cm}^2$

5. Tờ giấy màu đỏ hình chữ nhật có chiều dài 9cm, chiều rộng 5cm. Tờ giấy màu xanh hình vuông có chu vi bằng chu vi của tờ giấy màu đỏ. Tính diện tích của tờ giấy màu xanh.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....